

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

*Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tuấn

Ông Huỳnh Quốc Khuyên

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc: "**Tranh chấp ly hôn và nuôi con**" theo 4 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đặng T M** – sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Võ H L** – sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống

chung có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại không còn tình cảm với nhau, nên chị M yêu cầu ly hôn anh L.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị M và anh L có 01 con là Võ H Đ, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2019. Chị M xác định chị M có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con, nên yêu cầu được nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Anh L trình bày anh và chị M sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Hiện tại anh L cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị M, nhưng vì thương con còn nhỏ nên anh L không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 con là Võ H Đ, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2019. Trường hợp Tòa cho ly hôn thì anh L yêu cầu được nuôi con vì anh L có thu nhập ổn định, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án để Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng quy định; Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh L chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị Đặng T M ly hôn anh Võ H L;

+ Về con: Giao cháu Võ H Đ, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2019 cho chị M trực tiếp nuôi.

+ Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị M phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị Đặng T M yêu cầu ly hôn anh L, anh L có nơi cư trú tại xã X, huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh L là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị M và anh L sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh L không đồng ý. Tuy nhiên, do chị M và anh L không còn tình cảm với nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ và các Điều 19, 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M được ly hôn anh L.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Cả chị M và anh L đều đủ điều kiện nuôi con và đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Võ H Đ, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2019. Hội đồng xét xử xét thấy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Đ đã dưới 36 tháng tuổi, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đ cho chị M trực tiếp nuôi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị M và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị M chịu án phí số tiền 300.000đ, chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh Võ H L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng T M được ly hôn anh Võ H L.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị M và anh L là cháu Võ H Đ, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2019 cho chị M trực tiếp nuôi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Đặng T M phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005166 ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Anh Võ H L không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Phan Thị Đang